

Bản án số: **135/2018/DS-ST**
Ngày: 5/3/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Cao Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 5 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2018/QĐST-DS ngày 5 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần C

Hội sở: 442 đường K, Phường U, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – sinh năm 1971

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Văn H – sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ : 444A - 446 đường U, Phường V, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo văn bản ủy quyền ngày 21/4/2017.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Hải S – sinh năm 1979

Địa chỉ : 54/8 Đ, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trịnh Hải S vắng mặt lần thứ 2.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Phước Diệu K – sinh năm 1984

Địa chỉ : 54/8 Đ, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Phước Diệu K vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 29/4/2017 của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (sau đây gọi là Ngân hàng) cùng trình bày của ông Châu Văn H là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thì: Ngày 18/02/2011 ông Trịnh Hải S (sau đây gọi là Bị đơn) có Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và các văn bản khác về việc sử dụng thẻ tín dụng. Ngày 15/3/2011, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho Bị đơn chi tiết như sau: Số thẻ: 4365 9910 0000 5174; Ngày cấp 15/3/2011; Hạn mức thẻ: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Hiệu lực thẻ: 3 năm (từ ngày 15/3/2011 đến 15/3/2014); Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn: theo Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, Bị đơn đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo thông báo giao dịch hàng tháng, nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn. Đến ngày 29/4/2017 Bị đơn còn nợ Ngân hàng 424.875.170đ, trong đó Nợ gốc: 170.582.211đ; Lãi quá hạn, phí: 254.292.959đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay số nợ trên và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 30/4/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Ông Châu Văn H là Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Quá trình sử dụng thẻ Bị đơn đã rút tiền mặt 404.720.000đ, thanh toán mua hàng

386.820.945đ và đã thanh toán cho Ngân hàng được 747.001.319đ. Ngày 24/5/2014 là ngày cuối cùng Bị đơn thanh toán tiền cho Ngân hàng, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của Bị đơn sang nợ quá hạn, đến ngày 5/3/2018 Bị đơn còn nợ Ngân hàng 170.582.211đ nợ gốc; 316.268.318đ nợ lãi, phí. Nay Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay số nợ trên và thanh toán tiếp tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng hai bên đã ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” yêu cầu Bị đơn có địa chỉ tại số: 54/8 Đ, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phải thanh toán tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng mà hai bên đã ký.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng cư trú của Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng – ông Châu Văn H có mặt. Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt (Biên bản tổng đạt Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 19/01/2018 để tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 5/02/2018 và biên bản

tổng đạt Giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 7/02/2018 để tham gia phiên tòa lần thứ hai vào ngày 5/3/2018) nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 170.582.211đ nợ gốc của Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức tín dụng đề nghị là 200.000.000đ của Bị đơn ngày 18/02/2011; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng C thì ngày 18/02/2011 giữa Bị đơn và Ngân hàng đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ.

- Ngày 15/3/2011 Ngân hàng có Bản phê duyệt nội dung: Đơn số: 4211074002590; Ngày cấp thẻ: 15/3/2011; Loại thẻ: Visa Platinum; Hiệu lực thẻ: 03/14; Hạn mức tín dụng: 200.000.000đ; Hình thức đảm bảo: Tín chấp.

- Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án Bảng tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng của Bị đơn, theo đó:

- + Bị đơn đã rút tiền mặt như sau: Ngày 24/3/2011 rút 10.000.000đ; Ngày 24/4/2011 rút 174.000.000đ; Ngày 24/5/2011 rút 60.000.000đ; Ngày 24/6/2011 rút 28.100.000đ; Ngày 24/8/2011 rút 4.020.000đ; Ngày 24/9/2011 rút 1.800.000đ; Ngày 24/12/2011 rút 15.000.000đ; Ngày 24/5/2012 rút 12.000.000đ; Ngày 24/7/2012 rút 81.000.000đ; Ngày 24/8/2012 rút 8.400.000đ; Ngày 24/12/2012 rút 2.000.000đ; Ngày 24/5/2013 rút 8.400.000đ. Tổng cộng, Bị đơn đã rút 404.720.000đ tiền mặt.

- + Bị đơn giao dịch thanh toán bằng thẻ như sau: Ngày 24/5/2011 thanh toán 10.895.009; Ngày 24/7/2011 thanh toán 29.974.424đ; Ngày 24/8/2011 thanh toán 50.270.933đ; Ngày 24/4/2012 thanh toán 1.299.000đ; Ngày 24/6/2012 thanh toán 7.504.860đ; Ngày 24/7/2012 thanh toán 300.719đ; Ngày 24/8/2012 thanh toán 1.299.000đ; Ngày 24/12/2012 thanh toán 282.679.000đ; Ngày 24/4/2013 thanh toán 1.299.000đ; Ngày 24/8/2013 thanh toán 1.299.000đ. Tổng cộng, Bị đơn đã giao dịch thanh toán 386.820.945đ.

- + Bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng như sau: Ngày 24/3/2011 thanh toán 1.300.000đ; Ngày 24/5/2011 thanh toán 102.920.249đ; Ngày 24/7/2011 thanh toán 100.000.000đ; Ngày 24/9/2011 thanh toán 875.454đ; Ngày 24/12/2011 thanh toán 30.000.000đ; Ngày 24/02/2012 thanh toán 8.703.940đ; Ngày 24/4/2012 thanh toán 29.000.000đ; Ngày 24/5/2012 thanh toán 10.000.000đ; Ngày 24/6/2012 thanh toán 100.000.000đ; Ngày 24/8/2012 thanh toán 15.000.000đ; Ngày 24/11/2012 thanh toán 105.000.000đ; Ngày 24/12/2012 thanh toán 200.000.000đ; Ngày 24/5/2013

thanh toán 31.000.000đ; Ngày 24/01/2014 thanh toán 3.783.902đ; Ngày 24/5/2014 thanh toán 9.417.559đ. Tổng cộng, Bị đơn đã thanh toán được 747.001.104đ.

- Bà Nguyễn Phước Diệu K là vợ của Bị đơn, nên Tòa án đưa bà K vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại Đơn khởi kiện và tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân Bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ do đó Hội đồng xét xử chỉ buộc Bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn không có ý kiến gửi cho Tòa án và không đến Tòa án để giải quyết việc kiện của Ngân hàng đối với Bị đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng 170.582.211đ nợ gốc.

[5] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 316.268.319đ nợ lãi, phí của Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế của Bị đơn ngày 18/02/2011; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng C thì Bị đơn phải chịu lãi và phí khi thực hiện các giao dịch thẻ.

Căn cứ Bảng tính chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng của Bị đơn thì sau khi ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Bị đơn đã rút tiền mặt, thanh toán chi tiêu và thanh toán cho Ngân hàng. Tính đến ngày 5/3/2018 Bị đơn còn nợ lãi và phí là 316.268.319đ.

Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn không có ý kiến gửi cho Tòa án và không đến Tòa án để giải quyết việc kiện của Ngân hàng đối với Bị đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng 316.268.319đ nợ lãi và phí.

[6] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày 6/3/2018 cho đến khi trả hết nợ của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về thời hạn thanh toán: Tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay số nợ trên. Hội đồng xét xử xét

thấy: Từ ngày 25/5/2014 đến nay Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc Bị đơn phải thanh toán nợ cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[8] Về địa điểm thi hành án: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[9] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu 23.474.021đ án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại 10.497.503đ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần C.

a/ Buộc ông Trịnh Hải S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C 486.850.530đ (Bốn trăm tám mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn năm trăm ba mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 170.582.211đ; Nợ lãi, phí là 316.268.319đ theo Giấy đề nghị thế tín dụng quốc tế với hạn mức tín dụng ngày 18/02/2011.

b/ Buộc ông Trịnh Hải S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C tiền lãi phát sinh từ ngày 6/3/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thế tín dụng quốc tế ngày 18/02/2011.

2/ Về thời hạn thi hành án: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về địa điểm thi hành án: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Về án phí:

Án phí Dân sự sơ thẩm là 23.474.021đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm hai mươi một đồng) do ông Trịnh Hải S chịu.

Hoàn lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần C 10.497.503đ (Mười triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm linh ba đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0006234 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trịnh Hải S, bà Nguyễn Phước Diệu K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Hương